

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB các dự án thuộc Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 và Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về ban hành bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại Tờ trình số 82/TTr-HĐBT ngày 31/5/2023 và ý kiến thẩm

định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 758/TTr-STNMT ngày 30/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng do GPMB các dự án thuộc Khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software (Đợt 3) với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB là **9.426.438.292 đồng** (Bằng chữ: Chín tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm ba mươi tám ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ : 9.241.606.169 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB : 184.832.123 đồng.

(Trong đó, chi phí thẩm định (0,2%) là 18.483.000 đồng, đã bao gồm chi phí thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường: 12.938.000 đồng)

Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)

2. Về tái định cư: Giao 01 lô đất ở tại Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn cho 01 hộ gia đình với diện tích là 80,0m². Tiền sử dụng đất hộ gia đình phải nộp là 320.000.000 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ DO GPMB

Dự án: GPMB các dự án thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
(hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020						Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							
			Số thửa	Tờ BĐ	Loại đất	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m2)	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường mồ mả	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Các khoản HT và thưởng GPMB	Tổng
1	Nguyễn Hùng Anh, vợ: Phan Thị Kim Thanh	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	4	3	CLN	950,0	362,2	587,8	58.966.160	81.459.019		32.550.400				172.975.579
2	Nguyễn Quốc Khánh	14 Cầm Vương, TP. Quy Nhơn	7	3	CLN	1.246,1	1.246,1	0,0	202.865.080	114.914.425		41.799.400				359.578.905
3	Trần Phước Hoàng	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	10	3	CLN	1.502,8	1.502,8	0,0	244.655.840	116.545.690		130.422.100				491.623.630
4	Trần Quang Nhi, Võ Thành Sơn	Tổ 1B, KV12, P. Ngô Mây	17	6	BHK	888,8	888,8	0,0	305.526.760	33.874.140		106.309.600				445.710.500
			18	6	BHK	987,9	987,9	0,0								
5	Huỳnh Thị Liên	KV5, P. Nguyễn Văn Cừ	45	6	CLN	326,0	326,0	0,0	53.072.800	4.200.000		34.305.500				91.578.300
6	Nguyễn Thị Hồng Vân	120A Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn	1	7	CLN	208,6	208,6	0,0	33.960.080			11.202.000				45.162.080
7	Đỗ Hữu Nhi, vợ Phạm Thị Hồng	xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	26	7	BHK	991,9	991,9	0,0	161.481.320	20.156.750,00		134.126.000				315.764.070
8	Nguyễn Viết Nghị	244 Diên Hồng	32	7	CLN	1.214,8	1.214,8	0,0	197.769.440	95.618.415		24.104.000				317.491.855

Stt	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Theo hồ sơ đo đạc hiện trạng năm 2020						Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)							
			Số thửa	Tờ ĐĐ	Loại đất	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường, hỗ trợ về đất	Bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc	Bồi thường mồ mả	Bồi thường cây cối	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Các khoản HT và thưởng GPMB	Tổng
9	Hà Văn Duyệt	12 Bạch Đằng, P. Hải Cảng	12	6	BHK	229,7	229,7	0,0	68.473.680	184.579.520		13.710.800				266.764.000
			47	6	BHK	190,9	190,9	0,0								
10	Nguyễn Hữu Phụng	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	18	3	BHK	3.481,1	1.933,7	1.547,4	389.743.200	88.311.640		149.980.600	1.062.936.000			1.690.971.440
			2	6	CLN	460,3	460,3	0,0								
11	Đinh Thái Khương	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	3	6	BHK	1.580,7	1.580,7	0,0	257.337.960	196.050.205		163.224.400	684.070.800	17.856.000	15.000.000	1.333.539.365
12	Nguyễn Thị Hường	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	24	6	BHK	283,9	283,9	0,0	46.218.920	22.044.820		27.130.800	126.051.600			221.446.140
13	Lê Trung Diệp	Tổ 10, KV2, P. Ghềnh Ráng	30	6	CLN	661,2	661,2	0,0	107.643.360	1.599.000		57.630.400	293.572.800			460.445.560
14	Nguyễn Văn Vinh và Nguyễn Văn Đệ	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	33	6	BHK	1.257,1	1.257,1	0,0	204.655.880	122.305.280		102.902.400	558.152.400			988.015.960
15	Dương Thị Chín	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	34	6	CLN	470,8	470,8	0,0	76.646.240	40.967.140		57.595.800	209.035.200			384.244.380
16	Đào Văn Dậu	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	38	6	CLN	716,6	716,6	0,0	116.662.480	15.286.265		45.662.500	318.170.400	17.856.000		513.637.645
17	Nguyễn Thị Hồng Yến	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	42	6	BHK	200,0	200,0	0,0	32.560.000	47.918.070		0	88.800.000			169.278.070
18	Nguyễn Thị Hồng Vân	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng	6	7	LUK	199,7	199,7	0,0	186.829.280	32.879.110		113.779.900	509.534.400	17.856.000		860.878.690
			5	7	LUK	171,6	171,6	0,0								
			4	7	LUK	487,1	487,1	0,0								
			66	7	CLN	289,2	289,2	0,0								
19	Trịnh Văn Nhẫn	Tổ 6, KV2, P. Ghềnh Ráng									112.500.000					112.500.000
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ						16.861,6	2.135,2	2.745.068.480	1.218.709.489	112.500.000	1.246.436.600	3.850.323.600	53.568.000	15.000.000	9.241.606.169
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB 2%: (A) x 2%															184.832.123
C	Tổng cộng: (A) + (B)															9.426.438.292

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT Ở VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP

Dự án: GPMB các dự án thuộc khu Đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn

(hạng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Hộ gia đình	Địa chỉ	Lô đất ở được giao				Giá đất cụ thể theo giá thị trường để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m ²)	Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)	Ghi chú
			Lô số	Khu	Đường (lộ giới)	Diện tích (m ²)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7) x (8)	(10)
1	Đinh Thái Khương	Tổ 7, KV2, P. Ghềnh Ráng	11d1	TDC-03	ĐS 3 (13m)	80,0	4.000.000	320.000.000	Khu TĐC mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa tại Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn
	Tổng					80,0		320.000.000	

len